TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **119**/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mận và ông Hoàng Văn Mầm
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Y Kăn Niê – Thư ký Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2022/TLST-DS ngày 10/11/2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXX-DS ngày 09/6/2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N
Địa chỉ: Số 123/22 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị T.
Địa chỉ: Số 100/8A đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Y T (YT); Bà H'L ; Chị H'O và chị H'P .
Cùng cư trú: Tổ 1, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:* Ông Thái Thanh B
Địa chỉ: Số 123/22 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Do quen biết nhau trong quá trình làm ăn, ngày 15/12/2017 bà N cho gia đình ông Y T (YT), bà H L, bà H O (con gái), H P (con gái) vay số tiền 650.000.000đồng mục đích vay vốn để làm ăn, với lãi suất thỏa thuận 1%/ tháng. Gia đình ông Y T có thế chấp cho bà N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa

đất 186, tờ bản đồ 60, diện tích 3.001m^2 tại phường T, thành phố B, thời hạn vay 03 năm. Đến nay quá hạn 3 năm nhưng gia đình bị đơn vẫn chưa trả số tiền gốc và lãi suất nào cho bà N . Mặc dù bà N đòi nhiều lần nhưng gia đình bị đơn ông Y T cứ khất nhiều lần và không trả số tiền trên cho bà N . Vì vậy bà N làm đơn khởi kiện đề nghị gia đình bị đơn ông Y T , bà H L, bà H O , bà H P phải trả số tiền 650.000.000đồng; Về lãi suất không yêu cầu. Khi nào trả xong số tiền trên thì bà N sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho gia đình bị đơn. Gia đình bị đơn xin trả hàng tháng 10.000.000đồng thì bà N không đồng ý còn gia đình bị đơn cho rằng hàng tháng đã trả cho bà N 1.000.000đồng là không đúng.

2.Bị đơn bà H L, bà H O trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải:

Chúng tôi và bà N là bạn hàng làm ăn với nhau, gia đình chúng tôi bán quán ăn và hay mua thịt heo của bà N , quá trình làm ăn chúng tôi có nợ tiền thịt heo của bà N , tiền chơi huê, tiền hụi và vay tiền của bà N để làm ăn nên ngày 15/12/2017 bà N tổng cộng lại số tiền nợ là 650.000.000đồng, gia đình chúng tôi có chồng là Y T (giấy vay ghi tên Y T); con gái H O (giấy vay ghi H'O), H P (giấy vay ghi tên H P) cùng kí vào. Gia đình tôi có đưa cho bà N giữ bìa đỏ thửa đất 186, tờ bản đồ 60 đất tại phường T , Thành phố B và cam kết trong hạn 03 năm gia đình tôi sẽ trả số tiền nêu trên, lãi suất ghi 1%/ tháng. Năm 2017 đến nay chúng tôi có trả cho bà N mỗi tháng 01 triệu đồng nhưng không có giấy tờ, bà N không thừa nhận nên đành chấp nhận. Hiện nay bà N khởi kiện gia đình chúng tôi phải trả số tiền 650.000.000đồng thì gia đình tôi chấp nhận trả cho bà N mỗi tháng 10.000.000đồng cho đến khi trả xong hết nợ; Về lãi suất thì không chấp nhận trả. Khi nào trả xong số tiền trên thì yêu cầu bà N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 186, tờ bản đồ 60 cho gia đình tôi. Về ông YT bận hái cà phê nên không lên Tòa án tham gia tố tụng được còn chị H P hay đi chơi ít về nhà nên không lên Tòa án để trình bày ý kiến được.

2. Đối với bị đơn ông Y T , chị H P : Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì.

3. Ông T trình bày tại bản tự khai ngày 13/2/2023:

Vào ngày 15/12/2017 vợ chồng tôi cho gia đình ông Y T , bà H L , bà H O, H P vay số tiền 650.000.000đồng với lãi suất thỏa thuận 1%/ tháng, khi cho vay một mình vợ tôi cho vay tiền. Gia đình ông Y T có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 186, tờ bản đồ 60, diện tích 3.001m^2 tại phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, thời hạn vay 03 năm. Vợ tôi đòi nhiều lần nhưng gia đình bị đơn ông Y T cứ khất nhiều lần và không trả số tiền trên. Tôi kính đề nghị Tòa án buộc gia đình bị đơn ông Y T, bà H L phải trả số tiền 650.000.000đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị N : Buộc gia đình ông Y T , bà H L , bà H O ; bà H P phải trả cho bà N số tiền gốc là 650.000.000 đồng; Bà N không yêu cầu lãi suất nên không xem xét; Bị đơn phải chịu án phí; Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật**:** Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền đã vay là 650.000.000đồng, đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Ông Tvà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung khởi kiện:

-Về số tiền vay gốc: Qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên và lời khai của nguyên đơn và bị đơn, đã có đủ căn cứ chứng minh được rằng: Ngày 15/12/2017 Bà Lê Thị N cho gia đình bị đơn bà H L (H'), ông Y T (ông Y T); chị H O (H'Oanh Niê Kđăm) và chị H P (H P) vay số tiền 650.000.000đồng, thời hạn vay 03 năm (15/12/2020) nhưng đến nay gia đình bị đơn vẫn chưa trả số tiền trên cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về mục đích vay tiền: Theo bị đơn cho rằng gia đình bán quán ăn nên nợ tiền mua thịt heo, tiền chơi huê và vay tiền để làm ăn cho gia đình và chấp nhận trả số tiền trên cho bà N , nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng nhưng bà N không đồng ý nên hai bên không thỏa thuận được thời hạn trả nợ.

Vì vậy, bà N khởi kiện buộc gia đình bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là: 650.000.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

- Về lãi suất: Bà Lê Thị N không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khi cho vay tiền thì bà N có giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 895561 thửa đất số 86, tờ bản đồ 60, diện tích 3001,0 m^2 địa chỉ phường T, thành phố B, được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 17/12/2012 cho hộ bà H'L và ông Y T . Đây không phải là tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nên buộc Bà Lê Thị N phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H'Lin Niê K dăm và ông Y T là phù hợp.

[4]. Về án phí DSST: Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, theo mức:

20.000.000đồng + 4% x 250.000.000đồng = 30.000.000đồng. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị N .

Buộc gia đình bị đơn bà H L (H' L), ông Y T (ông Y T); chị H O (H'O) và chị H P (H P) phải trả cho Bà Lê Thị N số tiền gốc 650.000.000đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc Bà Lê Thị N phải trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử đất số BK 895561 thửa đất số 86, tờ bản đồ 60, diện tích 3001,0 m^2 địa chỉ phường T , thành phố B được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 17/12/2012 cho hộ bà H'L ông Y T .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà H L ; ông Y T ; chị H O và chị H P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.000.000đồng. Trả lại cho Bà Lê Thị N số tiền 15.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0021840 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ, TA.

Lê Thị Mai